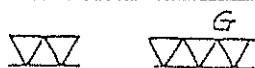


0302

414 310

4143100302.S411714 - GIA CONG - 24/01/2024

訂正	改善	日付	訂正	記事	担当	削り加工普通寸法公差
						0.5以上6以下 ±0.1
						6より30 ±0.2
						30 ~ 120 ±0.3
						120 ~ 315 ±0.5
						315 ~ 1000 ±0.6
						1000 ~ 2000 ±1.2

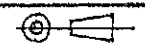
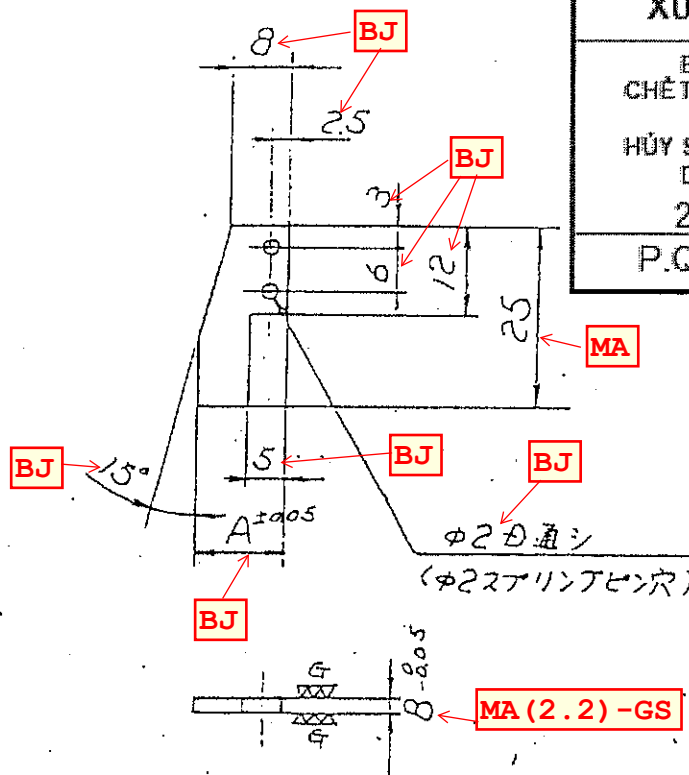


XUẤT BẢN VẼ

BẢN VẼ DÙNG
CHÊ TẮC - NGHIỆM THUHỦY SAU KHI HOÀN TẤT
DO NOT COPY

2023.10.26

P.QLKTSX VDM



尺 度

1/1

担当

BAG No.

84103

S CHUẨN

規格	A±0.05	8-0.05	個数
φ1.5	11.5	0.7	
φ2.0	11.65	1.2	
φ2.3	11.7	1.5	
◎ φ3.17	12.0	2.0	1
φ5.0	12.25	2.7	

(切 換 部 品) S411714

材 質	SKD11	熱 処 理	焼入 焼戻 HRC 50~55
		表面処理	S0B

個 数	1	製造番号		部分記号	OC
-----	---	------	--	------	----

図面番号 PG-1-1-244A

部品名 名称 板

材料 PG-1

設計 X122=FF

日付 '02.06.17

承認

加工順	工程
1	
2	
3	
4	
5	
6	
7	
8	
9	
10	
11	
12	
13	
14	
15	

X4107-0567-02-1-005 AA

図 号

図 番

SNO: **S411714**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKD11 T3*17*30	AA:20 MA:20 BJ:30 HT:40 GS:20 KT